

NGÂN HÀNG QUỐC GIA VIỆT NAM

THÔNG TƯ số 140-VP ngày 25-4-1957 về việc thi hành nghị định cấm xuất, nhập khẩu bạch kim và đá quý.

Nghị định số 631-TTg ngày 13-12-1955 và điều lệ tạm thời quản lý ngoại hối số 709-TTg ngày 21-3-1956 của Thủ tướng Chính phủ đã có một tác dụng nhất định trong việc quản lý ngoại hối vàng, bạc, ngân ngà buôn bán lậu, xuất nhập trái phép và bảo vệ tài sản của quốc dân.

Nhưng gần đây trên thị trường quốc tế do tình hình bất thường, các loại bạch kim, đá quý ngày càng lên giá so với thị trường nội địa của ta. Vì thế trong thời gian vừa qua, bên cạnh những thương nhân tích cực góp phần đẩy mạnh xuất khẩu nông, lâm, thổ, hải sản để nhập hàng cần thiết cho việc khôi phục và phát triển kinh tế thì lại có một số người đi vơ vét các loại kim khí và đá quý xuất khẩu trục lợi, phá rối thị trường trong nước.

Do đó tình trạng lậu hiểm phát triển và gây nhiều tác hại:

— Có người đi tìm kiếm các loại kim khí và đá quý xuất lên lút để thanh toán hàng nhập hay đổi ngoại tệ,

— Nâng giá kim cương và các loại đá quý ngày càng cao vọt, ảnh hưởng không tốt đến thị trường tiền tệ của ta,

— Một số tài sản của quốc dân bị lọt ra ngoài.

Để kịp thời bãi trừ những hành động phá hoại ấy và hạn chế những tác hại đến sản xuất, đến nền kinh tế chung, Chính phủ đã ban hành nghị định số 168-TTg ngày 20-4-1957 cấm xuất, nhập khẩu các loại bạch kim và đá quý.

Nói chung, việc cất giữ bạch kim và đá quý trong nội địa đều được tự do. Tuy nhiên, mỗi khi vận chuyển và mua bán đều phải xin giấy phép cơ quan Ngân hàng nơi mình ở.

Về xuất nhập khẩu thì quy định như sau:

XUẤT KHẨU:

Cấm xuất khẩu bạch kim (platine) và các loại đá quý như: kim cương, ngọc trai, ngọc thạch, ngọc bích, ngọc lam, ngọc hồng bảo, ngọc xa-phia (saphir), v.v... trừ những trường hợp thật đặc biệt được Ngân hàng Quốc gia Việt nam cho phép.

Những trường hợp đặc biệt này cũng phải được Ngân hàng xác nhận là tư trang hợp lý với số lượng thông thường và theo những điều kiện sau đây:

— Có giấy chứng nhận của Ngân hàng (hoặc Hải quan đối với những nơi không có cán bộ Ngân hàng) là trước đây đã nhập từ ngoài vào;

— Những người lúc ra vì cần thiết phải mang theo và cam đoan khi về sẽ mang trở vào đồng thời phải ký quỹ bảo đảm.

NHẬP KHẨU:

Trường hợp và điều kiện nhập khẩu quy định như sau:

— Những người mang vào để luôn trong nước thì lúc đến cửa khẩu xuất trình tại Ngân hàng hoặc Hải quan ở đó để xin giấy chứng nhận mang đi.

— Những người mang vào nhưng khi trở ra muốn mang theo thì lúc đến cửa khẩu, sau khi xuất trình phải xin giấy chứng nhận và đến lúc ra thì nộp giấy ấy lại cho cơ quan kiểm soát ở cửa khẩu.

Các loại bạch kim và đá quý được phép mang vào trong nước đến lúc mang trở ra hoặc những trường hợp ngược lại đều không được thay đổi về số lượng, trọng lượng, phẩm chất và đặc điểm của lúc đầu mang đi.

CẤP GIẤY PHÉP:

Việc chứng nhận và cho phép nhập khẩu bạch kim và các loại đá quý do các đơn vị Ngân hàng ở cửa khẩu phụ trách. Những nơi không có cán bộ Ngân hàng thì cán bộ Hải quan được ủy nhiệm làm thay.

Việc cho phép xuất khẩu đối với bạch kim và đá quý đã có giấy chứng nhận mang vào hoặc giấy cam đoan xin mang ra đến lúc về sẽ mang trở vào thì do các đơn vị Ngân hàng (hoặc Hải quan được ủy nhiệm) phụ trách đối với những người lúc đi và lúc về đều qua một cửa khẩu.

Nhưng nếu lúc về đi cửa khẩu khác thì phải có giấy phép của các chi nhánh Ngân hàng Hải phòng, Lạng sơn, Lào cai hoặc Sở Quản lý ngoại hối trung ương xét lại giấy chứng nhận lúc vào để cho phép mang trở ra.

Tất cả những người xuất cảnh với giấy hộ chiếu của Bộ Ngoại giao cấp, nếu xin mang bạch kim và đá quý ra để luôn ở ngoài thì phải do Sở Quản lý ngoại hối trung ương xét và cấp giấy phép.

XỬ LÝ:

Việc khen thưởng những người có công tố cáo kẻ phạm pháp, trừng phạt đối với những vụ vi phạm thể lệ xuất nhập khẩu bạch kim và các loại đá quý nói trên sẽ xử lý theo các điều 15, 16 và 17 của điều lệ tạm thời quản lý ngoại hối số 709-TTg ngày 21-3-1956 của Thủ tướng phủ.

Chủ trương quản lý bạch kim và các loại đá quý xuất phát từ quyền lợi của nhân dân, nhằm ngăn ngừa những sự lậu hiểm, bảo vệ tài sản của

quốc dân khỏi lọt ra ngoài, góp phần giữ vững giá trị tiền tệ của ta đồng thời bảo đảm được quyền tự do dân chủ của nhân dân trong việc cất giữ cũng như dùng bạch kim và các loại đá quý để trang sức.

Cán bộ và nhân dân cần nhận thức rõ mục đích và ý nghĩa của chủ trương trên để nhắc nhở lẫn nhau chấp hành đúng đắn, thường xuyên có ý thức giúp đỡ cho các nhà chức trách tố giác những kẻ vì quyền lợi riêng mà đi ngược lại quyền lợi của nhân dân.

Hà-nội, ngày 25 tháng 4 năm 1957

Tổng Giám đốc

Ngân hàng Quốc gia Việt nam

LÊ VIẾT LƯỢNG

NGHỊ ĐỊNH số 188-NĐ-NH ngày 3-5-1957

đổi hai Chi điểm Ngân hàng Nghĩa — Quý và Đô lương thành Phòng Doanh nghiệp Ngân hàng và thành lập hai Phòng Doanh nghiệp Ngân hàng Diên — Yên — Quỳnh và Nam — Hưng — Nghi trực thuộc Chi nhánh Ngân hàng Nghệ an.

TỔNG GIÁM ĐỐC NGÂN HÀNG QUỐC GIA VIỆT NAM

Căn cứ sắc lệnh số 15-SL ngày 6-5-1951 thiết lập Ngân hàng Quốc gia Việt nam;

Căn cứ nghị định số 94-TTg ngày 27-5-1951 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết tổ chức Ngân hàng Quốc gia Việt nam;

Theo đề nghị của ông Trưởng Chi nhánh Ngân hàng Nghệ an.

NGHỊ ĐỊNH:

Điều 1. — Nay đổi hai Chi điểm Ngân hàng Nghĩa — Quý và Đô lương (Nghệ an) thành Phòng Doanh nghiệp Ngân hàng kể từ ngày 15 tháng 5 năm 1957.

Điều 2. — Thành lập thêm hai Phòng Doanh nghiệp Ngân hàng Diên — Yên — Quỳnh và Nam — Hưng — Nghi trực thuộc Chi nhánh Ngân hàng Nghệ an kể từ ngày 15-5-1957.

Điều 3. — Phạm vi hoạt động và biên chế của 4 Phòng Doanh nghiệp Ngân hàng có tên trên quy định như sau:

— Nghĩa — Quý trong hai huyện: Nghĩa đàn và Quý châu với 16 cán bộ, công nhân viên.

— Đô lương trong 4 huyện: Tương dương, Con cuông, Đô lương và Thanh chương với 25 cán bộ, công nhân viên.

— Diên — Yên — Quỳnh trong 3 huyện: Diên châu, Yên thành và Quỳnh lưu với 27 cán bộ, công nhân viên.

— Nam — Hưng — Nghi trong 3 huyện: Nam đàn, Hưng nguyên và Nghi lộc với 12 cán bộ, công nhân viên.

Điều 4. — Các ông Chánh văn phòng, Giám đốc Vụ Kế toán thuộc Ngân hàng Quốc gia Việt nam và Trưởng Chi nhánh Ngân hàng Nghệ an chịu trách nhiệm thi hành nghị định này.

Hà-nội, ngày 3 tháng 5 năm 1957

LÊ VIẾT LƯỢNG

BỘ GIÁO DỤC

NGHỊ ĐỊNH số 359-NĐ ngày 26-4-1957

ban hành thể lệ tổ chức thi hết cấp I Trường phổ thông 10 năm.

BỘ TRƯỞNG BỘ GIÁO DỤC

Chiếu sắc lệnh số 119-SL ngày 9-7-1946 tổ chức Bộ Giáo dục;

Chiếu nghị định số 596-NĐ ngày 30-8-1956 ban hành quy chế Trường phổ thông 10 năm, đặc biệt điều 22 nghị định này;

Theo đề nghị của ông Giám đốc Nha Giáo dục phổ thông,

NGHỊ ĐỊNH:

Điều 1. — Nay ban hành thể lệ tổ chức thi hết cấp I Trường phổ thông 10 năm, kèm theo nghị định này.

Điều 2. — Bản quy chế này sẽ thi hành kể từ niên học 1956 — 1957.

Điều 3. — Các ông Chánh văn phòng Bộ Giáo dục và Giám đốc Nha Giáo dục phổ thông chịu trách nhiệm thi hành nghị định này.

Hà nội, ngày 26 tháng 4 năm 1957

Bộ trưởng Bộ Giáo dục

NGUYỄN VĂN HUYỀN